

Trung Giang Ký Sự – kỳ 32

Hành Vân

Qua một năm bận rộn sửa sang chỉnh đốn Tịnh xá Ngọc Đức, đem lại sinh khí cần có cho một ngôi đạo tràng rồi, sau mùa An cư năm 2013 tôi lại tiếp tục viết *Trung Giang Ký Sự*.

Nói về Ni giới Khất Sĩ, hai vị Ni trưởng thượng thủ của khối Ni giới này theo lịch sử ghi nhận là Ni trưởng Ngân Liên và Ni trưởng Trí Liên, hàng pháp tử của đức Tổ sư Minh Đăng Quang. Cả hai vị Ni trưởng này đều đức hạnh hơn người, có phước duyên lớn và có oai lực nhiếp chúng, nên nhiều quyền thuộc pháp tử đã theo hai vị học và hành đạo, tịnh xá đạo tràng dần dần mọc lên theo bước chân du phương của họ, mặc nhiên hình thành nên hai đoàn Ni giới Khất Sĩ tại miền Nam Việt trước năm 1975.

Vâng theo tôn chỉ Nổi truyền Thích-ca Chánh pháp của đức Tổ sư Minh Đăng Quang, vâng theo sự thọ ký và chỉ đạo của đức Tổ sư, nhị vị Ni trưởng Ngân Liên và Trí Liên đã thống lãnh hội chúng của mình y theo Giáo hội Tăng-già Khất sĩ hành đạo, khiêm tốn làm thành viên của Giáo hội, theo tinh thần của Bát kính pháp.

Xác định được những nét chính đó rồi, tôi khởi sự tìm hiểu về Ni trưởng Ngân Liên và Ni trưởng Trí Liên. Những việc này tưởng rằng sẽ dễ dàng, theo đà của 31 bài *Trung Giang* đã hoàn thành và đăng lên mạng, nhưng đến lúc này lại có một số khó khăn phát sinh. Chính *Trung Giang Ký Sự* với những tiếng vang của nó đã khiến cho chư Ni đệ tử, đệ tôn của hai sư bà ấy có phần e dè khi gặp tôi.

Lần lượt, trong mấy tháng tôi đã đến thăm Tịnh xá Ngọc Lâm ở Long Hải và Tịnh xá Ngọc Phước ở Bà Rịa, gặp Ni trưởng Mai Liên và chư Ni; rồi lên Dĩ An thăm Tịnh xá Ngọc Bình, gặp Ni trưởng Thông Liên và chư Ni ở đó; lại về xứ Hà Tiên thăm Tịnh xá Ngọc Tiên mấy lần, khi gặp Ni sư Nhung, khi gặp Ni sư Lộc; thu được mấy bản lược sử, danh sách tịnh xá và Ni chúng, cùng một số hình ảnh... Với những thông tin tương đối đơn điệu, tôi phối hợp cùng những thông tin về Đạo Phật Khất Sĩ buổi đầu, phái Thiên Thai Giáo Quán Tông và chùa Tôn Thạnh, về sư cô Đạt Thử trụ trì chùa Pháp Đàn, Kỳ Viên Tự ở vùng Bàn Cờ, Ngọc Lâm Tự ở Phú Lâm – Chợ Lớn, chùa Ngọc Sơn ở Bình Đông – quận 8... để kể về đoàn Ni trưởng Ngân Liên sinh động hơn như sau:

Như những dòng sông trôi chảy mãi, như những tình cầu mãi xoay tròn cho cuộc sống tiếp diễn bất tận, cũng vậy, nhân duyên của Phật pháp không ngừng chuyển vận, ứng theo tâm lượng của chúng sanh mà hình thành kết quả.

Đầu năm 1946, có ngài khất sĩ trẻ tuổi từ Miên về làng Phú Mỹ, tổng Hưng Nhơn, quận Châu Thành, tỉnh Mỹ Tho tu hành. Mang tâm nguyện Nổi truyền Thích-ca Chánh pháp, ngài xin gáo dừa làm bát, xin vải trắng nhuộm làm y, xin ăn tu học theo Chơn lý của vũ trụ, hành Tứ y chánh pháp như ba đời chư Phật. Bấy giờ, người trong vùng gọi ngài là “thầy Sáu”, rất mực bình dị.



Khất sĩ Minh Đăng Quang đang ôm bát gạo dừa đi khất thực theo Chơn lý của vũ trụ.

Qua mấy lần trăng tròn rồi khuyết, đạo hạnh của thầy Sáu đã thu hút dân quanh vùng theo cầu học. Buổi đầu, vài người đến thăm viếng nhà ông bà Tư Nhu – Bảy Kim, nơi ngài tạm ở, để được nghe ngài nói chuyện đạo. Dần dần mọi người đến đông hơn, có khi thỉnh ngài lên chùa Linh Bửu gần đó để thuyết pháp vào những ngày rằm, 30 cho bà con nghe. Đáp lại tâm thành của bà con mộ đạo, ngài đã tuyên thuyết Chơn lý, chỉ rõ những vận hành của chúng sanh, vạn vật, các pháp trong bầu càn khôn vũ trụ, để người nghe thấy được Đạo, từ đó biết được đường đi chân chánh cho mình trong mỗi kiếp sống.

Bảy giờ, trong số thính chúng thường đến nghe Chơn lý, có cô Nguyễn Thị Trừ là người đầu tiên phát tâm xuất gia giải thoát theo thầy Sáu tu học. Chứng minh cho nhà đạo tâm, thầy Sáu dạy rằng: “Tôi nay chưa có đệ tử nam, nên chưa nhận đệ tử nữ. Còn cô cũng nên tìm thêm mấy bạn đồng hành, nếu được bốn cô cùng tu thì tôi nhận.”. Bởi thầy trò trạc tuổi, một nam một nữ trẻ trung, ắt khó tránh tiếng đời dị nghị; và bởi ngài cũng biết được nhân duyên của các đệ tử, muốn cho chư Ni đệ tử của ngài ngay từ đầu có đủ túc số Tăng¹, nên đã dạy như vậy.

Qua năm 1947, thầy Sáu lấy pháp danh là khất sĩ Minh Đăng Quang, bắt đầu thu nhận đệ tử Tăng, Ni, mở ra một mối đạo với danh xưng ban đầu là Đạo Khất Sĩ, là Phật Đạo, hoặc là Đạo Phật Thích-ca, với ý nghĩa đây là đạo của các đức Phật, là đạo của đức Phật Thích-ca đó vậy. Mỗi ngày, thầy trò đi khất thực trong vùng, sống đơn giản với ba y một bát tùy thân, chẳng lo trau dồi thân xác mà chỉ lo tu dưỡng tâm trí cho được cao siêu như bậc Vô thượng sĩ. Mùa an cư năm đó, tại làng Phú Mỹ, thầy trò họ an cư tu hành, bên Tăng có chú Huệ Ngạn và các sư Nhựt Quang, Nguyệt Minh, Từ Huệ ở cùng thầy tại chùa Linh Bửu Tự; bên Ni có năm cô Bửu Liên, Huỳnh Liên, Bạch Liên, Thanh Liên và Kim Liên ở tạm tại vườn nhà cô Bửu Liên.

¹ Một Tăng gồm bốn vị, một giáo hội gồm 20 vị.

Cũng trong mùa an cư đầu tiên đó của phái Khất Sĩ, có một duyên kỳ ngộ lại đến với ngài Minh Đăng Quang. Nơi quận Cần Giuộc, tỉnh Chợ Lớn có chùa Tôn Thạnh là một đạo tràng lớn của phái Phật giáo Thiên Thai Giáo Quán Tông vừa được truyền từ Hương Cảng sang vào đầu thập niên 1930. Ngài trụ trì chùa Tôn Thạnh bấy giờ là vị thượng tọa pháp hiệu Liễu Toàn (hay Liễu Thiền, pháp danh Tu Trì, 1885 – 1956). Năm 1944, thầy Liễu Toàn độ cho cô Lê Thị Lợi người ở Bến Lức xuất gia đầu Phật, pháp danh Tánh ---, pháp hiệu Đạt Chỉnh. Đến năm 1947, sư cô Đạt Chỉnh được thầy truyền trao giới pháp Tỳ-kheo Ni đúng theo gia phong phái Phật giáo Thiên Thai. Sau khi đắc giới, sư cô Đạt Chỉnh lập chí tinh tấn tu hành. Nghe ở làng Phú Mỹ có nhà tu hành tự xưng là tu như Phật thời xưa, cô Đạt Chỉnh rủ sư tỷ Đạt Thử đi tìm để thỉnh giáo². Hai người từ Cần Giuộc đến Tân Hiệp rồi rẽ vào, tới làng Cổ Chi thì gặp được ngài Minh Đăng Quang đang đi khất thực. Ngay lúc ấy trong tâm cô Đạt Chỉnh khởi lên một ấn tượng đặc biệt: “Ngài như đức Phật tái lai!”, liền quỳ xuống đánh lễ! Duyên thầy trò từ thuở nào thức dậy mãnh liệt, khiến sư cô Đạt Chỉnh mong sao được làm đệ tử của đại đức Minh Đăng Quang, tu theo hạnh của chư Phật quá khứ.

Trở về chùa Tôn Thạnh, sư cô Đạt Chỉnh xin phép bốn sư cho được theo cầu pháp với vị sư khổ hạnh ở Phú Mỹ, thượng tọa Liễu Toàn đã tùy thuận theo sở nguyện của đệ tử. Sư cô lễ tạ thầy, tạm biệt huynh đệ rồi từ giả chùa Tôn Thạnh đến Phú Mỹ. Khi định đi thì được tin gia đình nhắn về để thu xếp việc đất đai thừa kế, nên cô đã về thăm gia đình trước. Đến tháng 5 năm 1948, chút gia duyên thế sự còn lại đã giải quyết xong, cô Đạt Chỉnh nhẹ bước đăng trình, nguyện theo gương chư Phật khoác lên mình chiếc áo liên hoa tuyệt sắc³. Tại chùa Linh Bửu, sư cô được ngài Minh Đăng Quang thọ nhận, đặt pháp danh là Ngân Liên, nghĩa là đoá Sen bạc trong Giáo hội Liên hoa của ngài.



² Sư cô Đạt Thử pháp danh Tánh Đản, thọ Tỳ-kheo Ni năm 1943.

³ Tuyệt sắc: có thể hiểu là sắc màu giải thoát tuyệt vời, cũng có thể hiểu là dứt tất cả mọi sắc đẹp của thế tục.

Giấy chứng minh đầu tiên của sư cô Ngân Liên do Tổ sư Minh Đăng Quang cấp.

Khi thu nhận đệ tử Ni Ngân Liên, ngài Minh Đăng Quang đã truyền y bát Tỳ-kheo Ni cho cô và cấp một giấy chứng minh. Nội dung giấy xác nhận khát sĩ Minh Đăng Quang chứng minh cho cô Lê Thị Lợi, 34 tuổi, pháp danh Ngân Liên, **đã thọ quy giới theo bậc Tỳ-kheo Ni nữ khát sĩ vào ngày 24 tháng 5 năm 1948**, tại chùa Linh Bửu Tự, làng Tân Hòa Thành, tổng Hưng Nhơn, tỉnh Mỹ Tho⁴. Chỗ chữ ký được đóng dấu bằng con dấu của chùa Linh Bửu Tự. Trong nhóm đệ tử Ni đầu tiên của ngài Minh Đăng Quang, sư cô Ngân Liên là người có giấy chứng minh xưa nhất.⁵

(Qua giấy chứng minh này ta đã biết được con dấu của chùa Linh Bửu Tự ngày xưa, cũng là một mẫu con dấu hành chánh của các chùa miền Nam Việt thời Pháp thuộc. Đặc điểm con dấu này dùng mực đỏ, có nội dung bằng ba mẫu tự Pháp, Việt và Hán, được trang trí thêm chữ Vạn nằm ngay giữa số 1934, có lẽ là năm làm dấu. Phần tiếng Pháp chỉ là hai chữ tắt V. và C., chính là Village (làng) và Canton (tổng). Phần tiếng Việt không có dấu thanh. Phần chữ Hán có năm chữ, dòng trên là ba chữ Linh Bửu Tự lớn nằm ngay giữa con dấu, dòng dưới là hai chữ Ấn Ký. Còn “chữ Vạn” là một hình nổi trên ngực đức Phật Thích-ca, dấu hiệu phước đức viên mãn, dấu hiệu của Phật, không phải là mẫu tự tiếng Ấn Độ hay tiếng Hán gì cả.)



Con dấu chùa Linh Bửu Tự.

Thời đó, các con dấu hành chính ở Việt Nam đều có ba thứ tiếng Pháp, Việt và Hán.

Nội dung mặt sau của giấy chứng minh nêu lên luật nghi gồm có 348 giới và tám điều kính pháp, khẳng định phải y theo Thích-ca Mưu-ni Như lai Thế tôn, nêu rõ Tứ y pháp, lưu ý nữ khát sĩ là Phật tử, là Phật hiện tại, thay thế chư Phật tiếp dẫn chúng sanh (đây là tư tưởng của Kinh Diệu Pháp Liên Hoa). Phần Tứ y pháp được ghi trong đây chưa chuẩn như Tứ y pháp trong bộ Chơn Lý sau này.)

Năm 1948 ngài Minh Đăng Quang mang Giáo pháp Khất sĩ đến Sài Gòn, chôn đô thành của xứ Nam Việt. Từ năm 1946 ngài Minh Đăng Quang thỉnh thoảng cũng đã hành đạo ở Tân Hiệp, Tân An... những vùng quanh Phú Mỹ và cả Sài Gòn, Chợ Lớn, nhưng đến lúc này ngài mới ghi nhận là “Giáo pháp Khất sĩ đến Sài Gòn”. Lúc ấy hội chúng khát sĩ của ngài chỉ có mấy vị, do sư Từ Huệ

⁴ Vậy từ đầu chùa Linh Bửu Tự đã thuộc Tân Hòa Thành, không phải đến khi dời chỗ và xây lại vào năm 1951 mới về Tân Hòa Thành. Tuy nhiên lâu nay theo Hàn Ôn mọi người quen nói nó thuộc Phú Mỹ.

⁵ Tra lịch vạn niên, ta biết được “ngày 24 mai 1948” nhằm ngày 16 tháng 4 năm Mậu Tý. Như vậy từ khi cô Đạt Chinh gặp ngài Minh Đăng Quang lần đầu đến khi gặp lại xin làm đệ tử là gần một năm. Và trong số đệ tử Tăng, Ni của ngài Minh Đăng Quang, sư cô Ngân Liên là người duy nhất được cho thọ Tỳ-kheo ngay khi vừa nhận.

đã được cho đi độc giác, hai sư Nhựt Quang và Nguyệt Minh ở lại chùa Linh Bửu, chỉ còn ngài khất sĩ Minh Đăng Quang có duyên thỉnh mời đã đến ở chùa Kỳ Viên Tự, vùng Bàn Cờ. Riêng nhóm mấy sư cô nghỉ tạm tại chùa Tây Thiên gần đình Bình Tây, chùa của gia đình ông Hội đồng Nhiều. Tình cảnh bấy giờ chưa phải như Hàn Ôn và Trữ Vũ đã miêu tả:

Sài Gòn hoa lệ từ xưa
Trăng phơi cánh mộng, gió đưa điệu đàn
Một ngày kia, dưới nắng vàng
Bỗng trang nghiêm hiện một đoàn Du Tăng
Dân thành thị những bắn khoăn:
Họ là ai? Xin thưa rằng: Họ đây
Là môn đệ của đức Thầy
MINH ĐĂNG QUANG – Chiều tự rày mười phương...



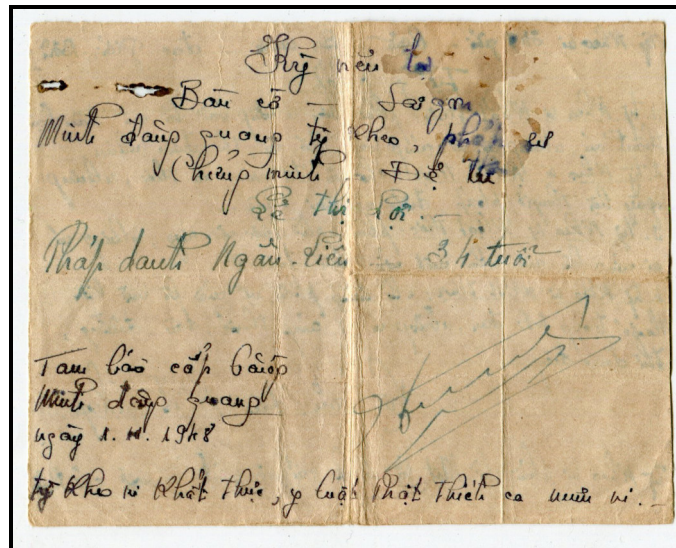
Khất sĩ Minh Đăng Quang lưu ảnh trước điện Phật chùa Kỳ Viên Tự.
Hầu bên tay trái là Huệ Ngạn, bên tay phải là ---.

Bằng hạnh Tứ y pháp và đạo lực, trí tuệ của mình, ngài Minh Đăng Quang đã dần dần cảm hóa được một số người có đạo tâm ở miền này. Chùa Kỳ Viên Tự được thành lập từ khoảng thập niên 1920, ban đầu thuộc hệ phái Phật giáo Bắc tông. Đến thập niên 1940 chùa do bà Bùi Thị Ngọc (*thường gọi bà Năm Ngọc*) quản lý. Năm 1948, khi gặp ngài Minh Đăng Quang đi hành đạo, bà Năm đã mời ngài về chùa Kỳ Viên Tự thuyết pháp. Ngài Minh Đăng Quang hứa đến Kỳ Viên thuyết pháp ba ngày. Tại chùa Kỳ Viên Tự có ông quản Hậu (*đội Hậu*), ông thưa với nhà sư trẻ: “Khi nào tôi đánh trống, thỉnh ngài thăng tòa thuyết pháp!”, ngài Minh Đăng Quang nhận lời. Trưa hôm sau, khi vừa đọc kinh cúng ngọ xong, ông quản Hậu liền đánh trống, nhà sư lên chánh điện thuyết pháp, xuống trễ quá giờ không ăn nữa. Đến chiều, ông mang cháo vào mời, nhà sư không ăn theo luật. Ông ta làm như thế suốt ba ngày, nhà sư không nói gì. Đến xong ba ngày, ngài Minh Đăng Quang lại từ giã: “Tôi hứa ở thuyết pháp ba ngày, nay xong rồi để tôi đi.”

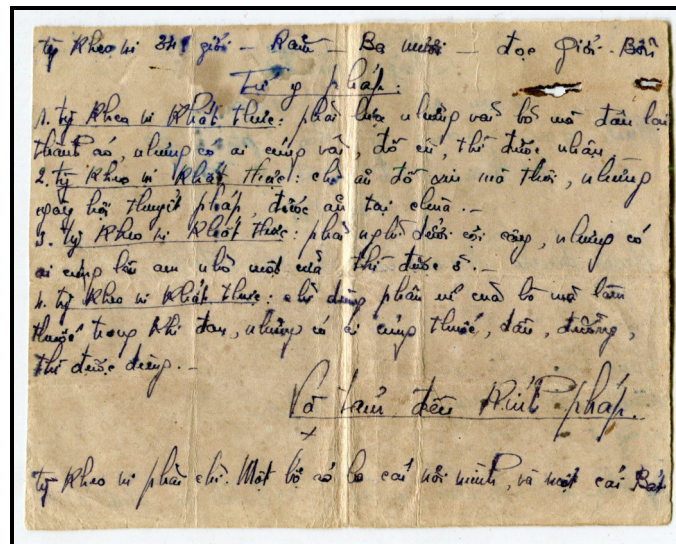
Khi ngài Minh Đăng Quang đi rồi, Phật tử chùa Kỳ Viên Tự mới cự ông quân Hậu:

- Sao ông làm kỳ vậy?
- Tôi cố thử xem sư có tu chơn như lời sư nói không!

Sau đó, bà Năm Ngọc mới mời ngài Minh Đăng Quang đến, thỉnh ngài ở lại hành đạo⁶. Tại Kỳ Viên Tự, đại đức Minh Đăng Quang lại cấp một giấy chứng minh thứ hai cho sư cô Ngân Liên:



Giấy chứng minh thứ hai Tổ sư Minh Đăng Quang cấp cho sư cô Ngân Liên



Trong giấy chứng minh thứ hai khất sĩ Minh Đăng Quang cấp cho sư cô Ngân Liên đã xác minh đệ tử Lê Thị Lợi, pháp danh Ngân Liên, 34 tuổi, **Tỳ-kheo Ni khất thực**, y luật Phật Thích-ca Muru-ni. Giấy cấp tại Kỳ Viên Tự, Bàn Cờ – Sài Gòn, ngày 01/11/1948. (Mặt sau giấy thứ hai này có nội dung nhắc

⁶ Hàn Ôn nói Phật tử vùng Bàn Cờ cúng chùa Kỳ Viên Tự cho Tổ sư Minh Đăng Quang là không đúng. Lại nói sau có sãi Miên về ở chung, ăn mặn, nhận tiền và không đi bắt nên ngài Minh Đăng Quang bỏ về miền Tây cũng không đúng. Thật ra giữa năm 1949 chùa Kỳ Viên Tự bị giải tòa để mở đường...

nhờ về luật nghi của một Tỳ-kheo Ni đệ tử Phật. Phần Tứ y pháp ở đây có thêm vài từ so với trong tờ giấy đầu tiên.)

Ngài Minh Đăng Quang và hội chúng của mình đã gắn bó với Kỳ Viên Tự khoảng một năm, nhưng không ở suốt nơi đó. Tại Kỳ Viên Tự ngài độ cho cô Trí Liên xuất gia, khi du hành đây đó ở miền Sài Gòn – Chợ Lớn – Tân An – Mỹ Tho ngài thu được thêm mấy đệ tử. Trong năm 1948 ngài Minh Đăng Quang đã nhận thêm hai đệ tử nam là Giác Tịnh và Giác Tánh, thêm năm đệ tử nữ là Ngân Liên, Chơn Liên, Quang Liên, Tạng Liên và Trí Liên.

Nhìn lại Giáo pháp Khất sĩ của ngài Minh Đăng Quang, ấn tượng đầu tiên ai cũng thấy là quả thật các vị khất sĩ của giáo pháp này đã giải thoát khỏi mọi trói buộc của kiếp người, mà trước hết chính là miếng ăn và chỗ ở. Tuy vậy, quy chế xã hội đòi hỏi các nhà khất sĩ cũng phải có cơ sở riêng của mình để sinh hoạt trong những lúc cần thiết. Buổi đầu lập đạo, ngài Minh Đăng Quang đã mượn mấy cơ sở tạm là hai khu vườn của nhà ông Tư Nhu và nhà sư cô Bửu Liên, cùng Linh Bửu Tự ở Tân Hòa Thành, chùa Tây Thiên ở Chợ Lớn và Kỳ Viên Tự ở Bàn Cờ. Nhưng còn một cơ sở nữa, cơ sở này đặc biệt vì chính nó được căn cứ để làm con dấu Minh Đăng Quang đầu tiên, còn dành rành trên những giấy tờ của các trưởng lão Tăng, Ni Khất Sĩ ngày xưa: đó là Ngọc Lâm Tự ở Phú Lâm, Chợ Lớn.

(Ngày nay, hầu như Tăng, Ni khất sĩ đều không biết gì về Ngọc Lâm Tự ở Phú Lâm, Chợ Lớn, chỉ tương truyền Tổ sư Minh Đăng Quang có một thời gian hành đạo tại Đình Phú Lâm. Đình Phú Lâm tọa lạc tại Bến Phú Lâm, địa phận Chợ Lớn. Địa chỉ hiện nay của đình là số 49, đường Nguyễn Phạm Tuân, phường 9, quận 6, Tp. Hồ Chí Minh. Đình Phú Lâm do dân làng thành lập năm 1853, thờ thần võ Trần Lâm được vua nhà Nguyễn sắc phong. Hàng năm, đình tổ chức cúng kỳ yên vào ngày rằm tháng giêng. Còn hàng tháng đình chỉ mở cửa vào hai ngày rằm và mùng 1 cho bà con về cúng vái tùy ý. Trong 50 năm qua, Đình Phú Lâm đã được dân địa phương trùng tu bốn lần vào các năm 1964, 1973, 1994 và 2007.



Đình Phú Lâm – Chợ Lớn ngày nay.

Khi về Đình Phú Lâm hỏi thăm, người dân lớn tuổi ở đây đều xác nhận là trước đây thầy Minh Đăng Quang có hành đạo tại đình. Lúc hỏi về Ngọc Lâm Tự thì ai cũng lắc đầu không biết. May sao còn có bác Chín Quý nhà ở gần bên đình đã kể lại những câu chuyện về mẹ của mình, một đệ tử xuất gia của thầy Minh Đăng Quang, như sau:

– Ngày xưa, thời Việt Minh, Đình Phú Lâm là nơi xử tử mấy kẻ Việt gian, đem giết ngay tại cột phướn của đình. Qua thời Việt Minh có thầy Minh Đăng Quang về vùng này hành đạo. Không biết thầy nói sao đó mà hội trưởng của Đình Phú Lâm lúc bấy giờ là bác Hai Bì đã cho dẹp hết tượng thần, bài vị, sửa bên trong thành một ngôi chùa.⁷ Chỗ thờ thần lúc trước để một tọa cụ cho thầy Minh Đăng Quang ngồi thuyết pháp, phía sau vẽ con rồng chín đầu vươn lên che người ngồi.⁸ Một bên vách chánh điện cho vẽ hình sự tích Phật, lúc xuất gia có Xa-nặc theo hầu, lúc nhập Niết-bàn nằm giữa rừng cây... còn bên đối diện vẽ cảnh các Bà-la-môn hầu Phật Thích-ca.



Bác Hai Bì, (gọi theo mẹ làm nghề bán bì heo),
thế danh Lưu Văn Tuất, 1910 – 1994.

Hội trưởng đình Phú Lâm – Chợ Lớn từ thập niên 1940 đến năm 1975.

Hình thờ tại gia đình con trai ông.

Hồi đó đất đình rộng lắm. Ở ngoài đường đi vào có một cầu đình, có bụi tre đầu cầu che mát, hai bên cầu có hai giếng Tiều, là hai hố nước người Tàu dùng để múc tưới rau mỗi ngày. Vào trong là nguyên sân đình trống không, ở giữa có cột phướn, mé ngoài cột phướn có miếu ngũ hành và một cây me to bây giờ vẫn còn. Khi thầy Minh Đăng Quang về ở, thầy đem nhân trồng thành hai

⁷ Cải đình vi tự, sửa đình làm chùa.

⁸ Phong cách này sau về miền Tây ngài Minh Đăng Quang không sử dụng nữa.

hàng từ cầu vào đến đình, mỗi hàng cỡ bốn, năm chục cây, mỗi cây cách nhau cỡ hai mét.

Phía sau đình được cất hai dãy liêu, một bên cho các sư, một bên cho các sư cô đệ tử của thầy Minh Đăng Quang ở. Thầy Minh Đăng Quang mặc y vàng, các đệ tử mặc y vá bá nạp. Thầy Minh Đăng Quang tướng thấp, trắng trẻo, mập mạp, có khi bóp vai xoa đầu Chín Quý cùng các bạn thỉnh thoảng lên chơi, rất là dễ tính. Sư cô Huỳnh Liên cũng tướng thấp, đầy đặn người.

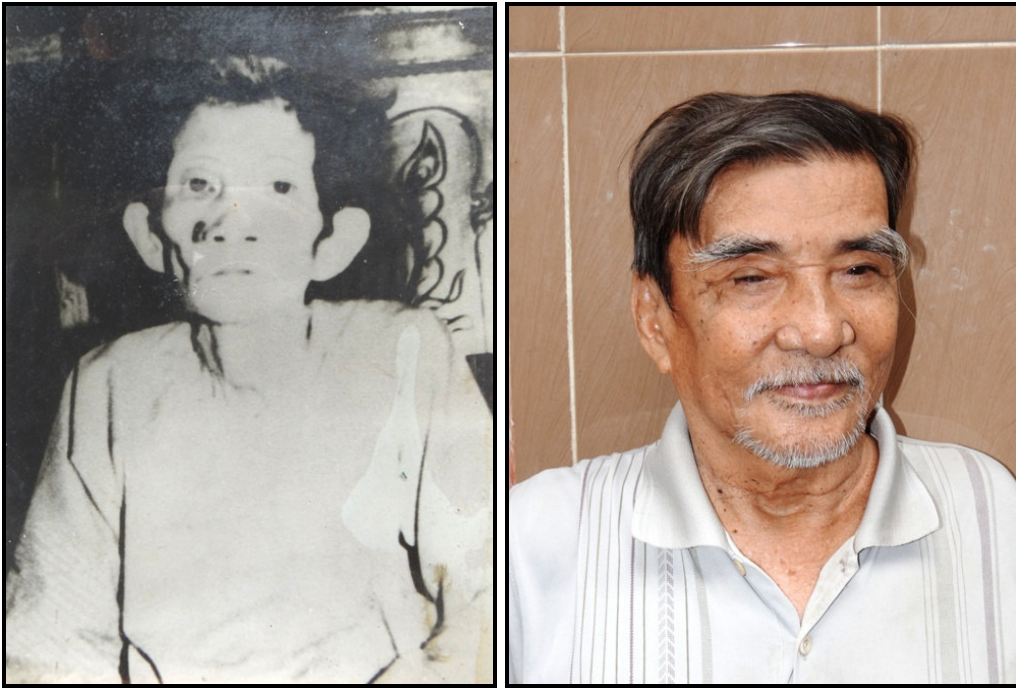
*Hồi đó thầy Minh Đăng Quang thuyết pháp có nhiều người đến nghe, sư cô Đàm Thanh trụ trì chùa Huê Lâm gần đấy cũng đến nghe, có khi người ta còn mời thầy đi các nơi thuyết pháp nữa. Sau đó, mẹ của Chín Quý là bà Nguyễn Thị Thi đã bỏ hết tất cả để theo thầy đi tu. Mà tu theo thầy Minh Đăng Quang không phải dễ. Tại đình, mẹ của Chín Quý được thầy cho thế phát, đặt pháp danh là **Diệu Mẫn**, cho mặc y bá nạp. Cùng thế phát lần đó có năm người, đều đặt tên chữ Diệu hết, trong đó có con gái ông bá hộ Lan. Mẹ đi tu rồi, Chín Quý hay nhớ mẹ, thường lên đình nghe thầy Minh Đăng Quang thuyết pháp để được gặp mẹ. Chín Quý còn nhớ thầy Minh Đăng Quang thuyết về vũ trụ quan, nhân sanh quan hay lắm. Sau năm 1975 bị ở tù chung với các thầy Huyền Quang, Trí Siêu (giáo sư Lê Mạnh Thát)... suốt mấy năm, Chín Quý không có việc gì làm, mới đem những lời thầy Minh Đăng Quang đã dạy ra hỏi các thầy. Các thầy nhận xét tư tưởng của thầy Minh Đăng Quang giống tư tưởng của Kinh Pháp Bảo Đàn. Rồi các thầy nói thêm nhiều chuyện Phật pháp, Chín Quý nghe riết đến mức thuộc lòng...*

Sau một thời gian hành đạo tại đình thì thầy Minh Đăng Quang ra đi, nghe nói về sau biệt tích luôn. Khi thầy đi rồi, bác Hai Bì cho sửa trở lại thành ngôi đình đẹp hơn, lại thỉnh thần vào thờ. Lúc đó hai hàng nhãn thầy Minh Đăng Quang trồng trước đình ra trái quăn cành, bọn nhỏ như Chín Quý đều được ăn.

Phân bà Diệu Mẫn thì đi theo các sư cô. Đến khi Ngọc Phương tịnh xá cất lên bà qua đó ở. Chín Quý vẫn hay qua thăm mẹ. Có lần đợi mẹ ở phòng ngoài, thấy trên vách có tấm bảng, Chín Quý cầm phấn viết lên cảm tưởng về con đường mẹ đang đi:

*Đường Đời đường Đạo hai đường nẻo
Một nẻo cơ cực, một nẻo nhàn.*

Sư cô tri khách dẫn bà Diệu Mẫn ra, thấy chữ trên bảng sư cô hỏi ai viết, bà Diệu Mẫn đáp: “Con của trò viết đó.”, sư cô khen là người biết đạo. Khoảng năm sáu mấy thì mấy anh em Chín Quý đến xin cho mẹ về, áo cà-sa trả lại tịnh xá, cất cốc trong vườn nhà cho mẹ tu. Cuối đời mẹ mất tại đấy luôn.



Bà Diệu Mẫn (hình thờ ở nhà con gái út) và con trai là Chín Quý (sinh năm 1940, hình chụp hôm rằm tháng 9 năm 2015). Bà tên Nguyễn Thị Thi, 1909 – 1989, đệ tử thầy Minh Đăng Quang, xuất gia tại Đình Phú Lâm.

Nói về vị thần thờ ở đình làng, bác Chín Quý kể lại một chuyện:

– *Mấy năm sau khi thầy Minh Đăng Quang đi, có một lần ông quận trưởng quận 7 ở đây ghé thăm đình⁹. Trước kia bảng sắc phong thần của đình Phú Lâm đã bị đình khác lấy trộm, nên lúc thăm đình ông quận trưởng hỏi:*

– *Sao đình nào cũng có thần mà ở đây bà con không biết thần của mình là ai?*

Bấy giờ có một chú tên Nguyễn Văn Thiệu, tuổi khoảng hăm mấy, là người bán vật liệu xây dựng ở chợ, mới nói là chú có thể triệu thần lên để hỏi, nhưng cần có người ngồi làm đồng cho thần nhập lên. Ai cũng sợ, không dám làm cốt cho thần nhập. Lúc đó có một bà bầu xin ngồi đồng, không biết có được không? Nguyễn Văn Thiệu nói là được, không sao hết. Sau đó mọi người đem một tấm khăn trùm lên mặt bà bầu ngồi trước bàn thờ, chú Thiệu bắt đầu làm phép, đọc chú. Một lát sau thần về, tước tấm khăn lên, mặt bà bầu đỏ rần, cất giọng đàn ông quát hỏi:

– *Triệu ta lên có việc gì?*

Mọi người thưa lý do, thần nói:

– *Ta vốn là tướng pháo binh của đức vua Minh Mạng, bị chết tại đây. Mộ ta chôn tại chùa Tuyền Lâm bây giờ đó.*

⁹ Phú Lâm thuộc về quận 7 từ năm 1952.

Xong chuyện, Nguyễn Văn Thiệu lại làm phép thỉnh thần đi. Rồi bà bầu chợt ngã ra, một lát tỉnh lại không nhớ chuyện gì hết. Chồng cô ta ở nhà nghe được mới lật đật đến trách sao không biết dưỡng thai, chú Thiệu đỡ lời là không sao đâu, nếu không tin cứ đi khám thai thì biết. Người chồng đưa vợ ra bảo sanh đường Thanh Phú gần đó cho bà mụ khám thai thì quả thật là không có sao hết.



Bia mộ đá hiện còn ở chùa Tuyên Lâm, đường Hồng Bàng, quận 6, Tp. Hồ Chí Minh, kế sau tháp hòa thượng khai sơn chùa. (Ảnh chụp hôm rằm tháng 9 năm 2015).

Qua lời kể của bác Chín Quý thì nghi vấn về Ngọc Lâm Tự đã được giải đáp. Như vậy, Ngọc Lâm Tự và đình Phú Lâm là một, nhưng cũng là hai, bởi sự tác động của ngài Minh Đăng Quang.)

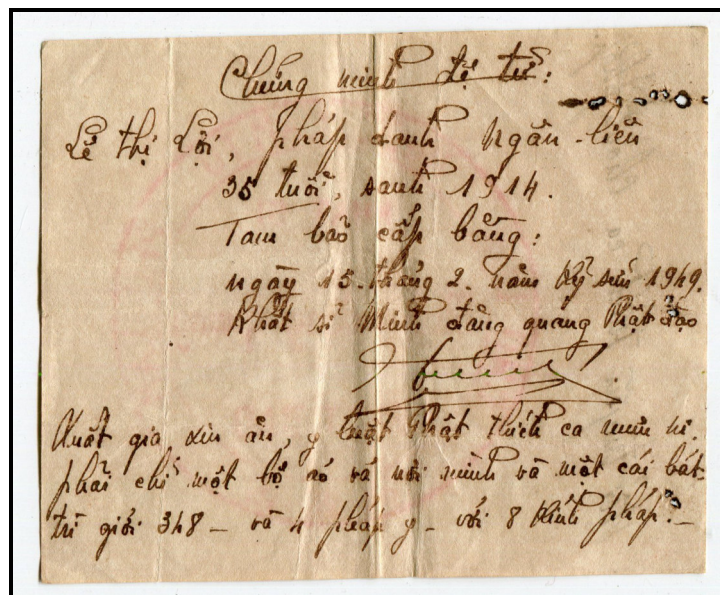
Như đã nói, phái Khất Sĩ buổi đầu lập đạo chưa có cơ sở riêng nên đã mượn tạm mấy chỗ để sinh hoạt. Lâu nay mọi người đều truyền khẩu Linh Bửu Tự là điểm đầu tiên phái Khất Sĩ đã mượn tạm, (cho đến có một số người hồ đồ gọi Linh Bửu Tự là Tổ đình của phái Khất Sĩ nữa), nhưng các bằng chứng được khảo sát ngày nay đã ghi nhận một sự thật là Ngọc Lâm Tự mới là điểm đầu tiên. Trong giấy chứng minh ngài Minh Đăng Quang cấp cho sư Nhựt Quang vào đầu năm 1947, trước nhất trong các đệ tử, con dấu được dùng là dấu Ngọc Lâm Tự, chứ không phải là dấu Linh Bửu Tự. Do đó ta có thể kết luận Ngọc Lâm Tự mới là cơ sở tạm đầu tiên của phái Khất Sĩ, tuy từ giữa năm 1946 ngài Minh Đăng Quang đã hay lên Linh Bửu Tự thuyết pháp.

Đầu năm 1947, ngài Minh Đăng Quang hành đạo đến vùng Phú Lâm, Chợ Lớn (cách Bàn Cờ khoảng 6km). Cảm mộ đạo hạnh và trí tuệ của ngài, dân làng Phú Lâm đã cúng dường đình làng cho ngài làm đạo trường giáo hóa nhân sanh. Họ đã cùng nhau sửa đình lại thành chùa, cất thêm mấy cột lá phía sau, ngài Minh Đăng Quang chứng minh và đặt tên là Ngọc Lâm Tự, lại đích thân trồng thêm hai hàng nhãn trong sân đình. Bấy giờ tuy Ngọc Lâm Tự chưa có bằng hiệu nhưng ngài Minh Đăng Quang đã cho khắc con dấu chủ cơ sở. Trong

con dấu này chưa có ý tưởng ngọn đuốc trên hoa sen như con dấu thứ hai của ngài.

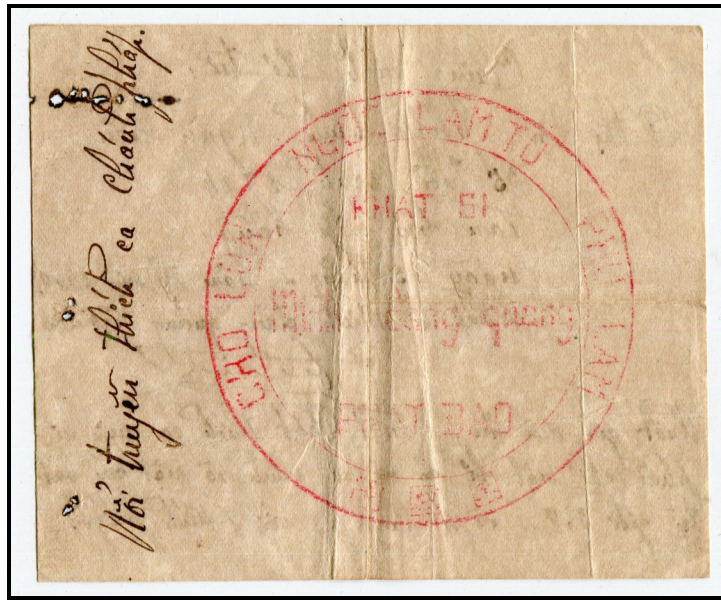
Từ đó ngài Minh Đăng Quang có một cơ sở tạm ở khu Sài Gòn – Chợ Lớn¹⁰ để tới lui hành đạo. Tại đây ngài hoạt động tương đối mạnh, độ được một số đệ tử xuất gia như các bà Diệu Mẫn... nói trên. Chính những việc ngài Minh Đăng Quang đã làm ở Phú Lâm như gọi cơ sở là Tự chứ không phải là Tịnh xá, ngồi dưới hình rồng chín đầu thuyết pháp, đặt pháp danh các đệ tử Ni xuất gia ở đây bằng chữ Diệu, xuề xòa với bọn trẻ... cho thấy trường hợp này lại là một nhân duyên hóa độ riêng, không thuộc vào dòng chánh truyền sau này của ngài. Nhưng đồng thời tại đây ngài cũng độ cho hai sư cô Đức Liên và Thiện Liên vào nửa đầu năm 1949. Đặc biệt, vào tháng 9 âm lịch năm 1950, ngài Minh Đăng Quang đã thể phát cho sư Giác Chánh tại Ngọc Lâm Tự, sau này sư trở thành người thừa kế Tổ vị, duy trì mạng mạch của phái Khất Sĩ.

Ngoài Ngọc Lâm Tự, trong giai đoạn này đại đức Minh Đăng Quang còn được ông Ngô Văn Hợi cúng dường ngôi Chùa Ngọc Sơn tại Bến Bình Đông do ông thành lập vào năm 1941. Như vậy, trước lúc về miền Tây, ngài Minh Đăng Quang và hội chúng của mình đã có bốn điểm để tới lui hành đạo ở miền Sài Gòn – Chợ Lớn: đó là Ngọc Lâm, Tây Thiên, Kỳ Viên và Ngọc Sơn. Ngày nay Chùa Ngọc Sơn hầu còn của Hệ phái Khất Sĩ, đã được trùng tu và đổi tên là Tịnh xá Ngọc Sơn, nhưng vẫn mang hình thức một ngôi chùa, nhỏ bé, nằm trong một con hẻm nhỏ đông đúc.



Giấy chứng minh thứ ba Tổ sư Minh Đăng Quang cấp cho sư cô Ngân Liên, được chứng nhận bằng con dấu đầu tiên của ngài.

¹⁰ Pháp cho sáp nhập thành phố Sài Gòn và thành phố Chợ Lớn thành khu Sài Gòn – Chợ Lớn từ năm 1931, tên tiếng Pháp là Région Saigon – Cholon. Còn tỉnh Chợ Lớn được Pháp lập từ năm 1900, gồm bốn quận Cần Đức, Cần Giuộc, Đức Hòa và Trung Quận (Gò Đen), địa phận kể bên thành phố Chợ Lớn. Tỉnh Long An ngày nay đến năm 1956 mới có.



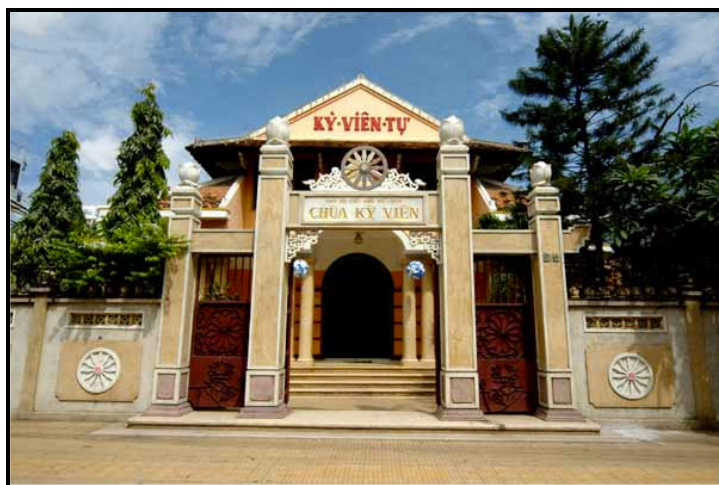
Tại Ngọc Lâm Tự, Tổ sư Minh Đăng Quang lại cấp cho sư cô Ngân Liên một giấy chứng minh thứ ba, làm ngày 15 tháng 2 năm Kỷ Sửu 1949, (*trùng ngày cấp giấy đầu tiên cho ngài Giác Tánh, sau này làm Trưởng lão Tăng chủ của Giáo hội Tăng-già Khất sĩ Việt Nam*). Nội dung trong giấy cũng tương tự hai giấy trước, nhưng mặt sau đã lược bỏ Tứ y pháp, thay vào chỗ đó là một con dấu đỏ to bành. Đây là dấu ấn ký của Khất sĩ Minh Đăng Quang – PHẬT ĐẠO. (Vành tròn xung quanh dấu đã cung cấp những thông tin phụ cần thiết: bên trái là CHO LON, bên phải là PHU LAM, bên trên là NGOC LAM TU, phía dưới là ba chữ Hán NGỌC LÂM TỰ nằm trong ba ô vuông.)

Qua năm 1949, số đệ tử Ni của ngài Minh Đăng Quang tăng lên khá đông, được thêm hơn chục cô, gồm có các vị: Đức Liên, Thiện Liên, Hồng Liên, Thành Liên, Giác Liên, Diệu Liên, Vân Liên, Tràng Liên, Tánh Liên, Quảng Liên, Vĩnh Liên... Tắm hình chư Ni Khất Sĩ chụp tại Kỳ Viên Tự năm 1949 là một minh chứng lịch sử cho Ni giới Khất Sĩ trong giai đoạn đầu tiên và cho cả chùa Kỳ Viên Tự đầu tiên ngày xưa nữa:



Ni giới Khất sĩ kỷ niệm tại Pagode Kỳ Viên Tự (mấy chữ trên tường chùa) năm 1949.

Gồm 20 vị, hàng đầu, bên trái qua là Huỳnh Liên, Bạch Liên, ---, ---, Tạng Liên, Quang Liên, Trí Liên (cao nhất)...



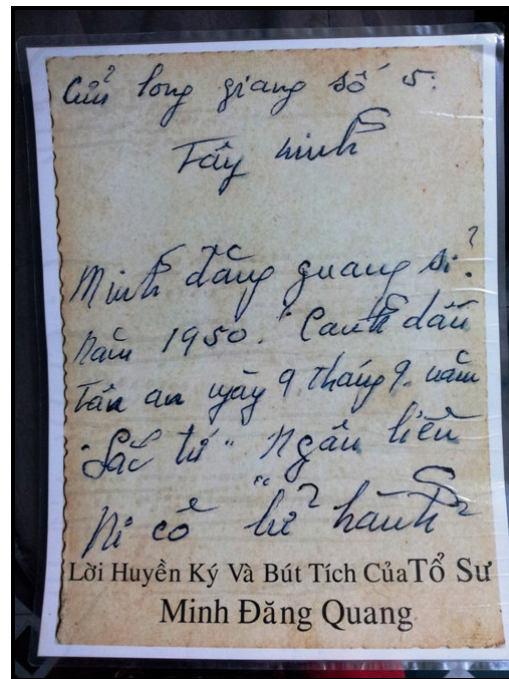
Ngôi Kỳ Viên Tự thứ ba, đã được đại trùng tu năm 1954, cổng Tam quan được làm sau này theo mô hình cổng của Thích-ca Phật Đài thành phố Vũng Tàu.

(Giữa năm 1949, chùa Kỳ Viên Tự bị giải tỏa để mở đường. Nhóm cư sĩ Nguyễn Văn Hiếu đã xây lại ngôi Kỳ Viên Tự thứ hai trên mảnh đất đối diện thuê của Chủ Hỏa, một trong bốn đại gia của Sài Gòn thời bấy giờ. Sau ba tháng chùa được xây xong, các cư sĩ đã thỉnh chư Tăng Nam tông người Kinh về ở hành đạo. Đến đầu năm 1952, sau khi mua luôn số đất thuê, các cư sĩ đã cúng dường chùa cho Phật giáo Nam tông. Năm 1953, một trận hỏa hoạn lớn đã thiêu rụi gần hết khu Bàn Cờ, chùa Kỳ Viên Tự cũng bị cháy sém một góc bép. Sau tai nạn, chính quyền đã cho mở rộng đường trong khu vực này để tránh tình trạng hỏa hoạn tái diễn. Bấy giờ chùa Kỳ Viên Tự bị nằm khuất sau một dãy phố mới cất lên, nên nhóm cư sĩ Nguyễn Văn Hiếu lại kêu gọi mọi người trùng tu chùa, làm mặt tiền xoay qua mặt đường mới, nay là đường Nguyễn Đình Chiểu. Lần trùng tu này quy mô hơn, làm từ tháng 2 đến tháng 11 năm 1954 thì xong, đó là ngôi Kỳ Viên Tự thứ ba. Từ đó, Kỳ Viên Tự trở thành trụ sở của khối Phật giáo Nam tông người Kinh ở Việt Nam, các ngài Tăng thống của Giáo hội Tăng-già Nguyên thủy Việt Nam đều lần lượt trụ trì chùa này. Hiện nay trên nền ngôi Kỳ Viên Tự thứ ba, thượng tọa Tăng Định đang đứng ra làm lại một ngôi Kỳ Viên Tự thứ tư cao tám tầng và thêm một tòa tháp Đại Giác trên đỉnh, mang tầm vóc xứng đáng với vị thế một ngôi chùa lịch sử và là một trung tâm văn hóa của Phật giáo Nam tông Việt Nam đương đại.)

Cũng trong năm 1949 ngài Minh Đăng Quang bắt đầu du hành về miền Tây Nam Bộ như Vĩnh Long, Châu Đốc... Gia đình ngài và những người mộ đạo ở Vĩnh Long, Châu Đốc có cất một số cột lá cúng dường cho ngài. Tại sân vận động Châu Đốc năm đó có một thợ nhiếp ảnh đã xin chụp ngài nhiều hình đứng, ngồi, về sau trở thành những tấm ảnh quý giá, trong đó có bức ảnh ngài mặc y trung và xếp chân kiết già ngồi nhìn thẳng mà tất cả các tịnh xá đều thờ.

Năm 1950, “huỳnh y trở gió bay về hướng Nam Hậu Giang”, phái Khất Sĩ thuận duyên bén rễ và phát triển mạnh tại miền Trung Giang, khoảng giữa của hai dòng sông cái Tiền Giang và Hậu Giang. Từ đây phái Khất Sĩ bắt đầu kiến lập cơ sở, tổ chức lễ hội riêng, biên soạn Chơn lý, đào tạo Tăng tài, thành

lập Đoàn Du Tăng... định hình thành một phái Phật giáo biệt truyền tại miền Nam Việt.



Năm này ngài Minh Đăng Quang có tặng cho đệ tử Ngân Liên một tấm hình ngài ngồi thiền ở Tây Ninh, phía sau có ghi bảy dòng chữ vừa theo bề rộng của hình:

Cửu long giang số 5:

Tây ninh

Minh Đăng Quang sĩ.

Năm 1950. Canh dần

Tân an ngày 9 tháng 9 năm

“Sắc tứ” Ngân liên

Ni cô “lữ hành”

(Tấm hình này mấy vị ở Tịnh xá Ngọc Tiên dấu, không chịu cho tôi xem. Mãi mới có người cho tôi xem mặt sau của tấm hình, đó là hình chụp lại một hình scan của tấm hình gốc. Trong hình scan đã được chèn thêm hai hàng chữ vì tính ở dưới cùng để thuyết minh, hình được ép trong giấy bóng. Còn khi chụp lại hình scan, người chụp đã để hình bị cong.

Thật buồn cười khi chư Ni đệ tử Ni trưởng Ngân Liên không cho tôi xem tấm hình đó. Nội dung chính mà Tổ sư Minh Đăng Quang đã ghi phía sau hình là “Sắc tứ Ngân Liên Ni cô lữ hành” chứ đâu phải là “Sắc tứ Ngân Liên hành đạo” như có bản lược sử đã nêu. Nhưng tôi dám chắc là chư Ni không hiểu hết những dòng ghi phía sau.) Những dòng chữ đó có ý nghĩa thế này:

– Cửu Long giang số 5 là dòng Cửu Long ở giữa của chín dòng, là trung giang, trung đạo.

– Tây Ninh là nơi chụp hình, chớp bóng, nhiếp ảnh.

– Minh Đăng Quang sĩ là người đang thiền định. Nếu khát sĩ là nhân, Vô thượng sĩ là quả, thì Minh Đăng Quang sĩ gồm cả nhân và quả, bởi tâm đã vào đại định thì gồm chứa tất cả. Chính Minh Đăng Quang sĩ là người sẽ ban hành một quyết định đặc biệt bên dưới. *(Hãy để ý thể chữ viết: rất tùy hứng, thể hiện trọn vẹn một ý chí, như đã có hàng chữ ghi rõ năm gồm cả lịch dương và lịch âm, hàng kế lại ghi thêm “năm” vào... Tương truyền khi viết bùa phải viết thể này mới linh.)*

– Hai dòng kế ghi thời gian và địa điểm ban hành nội dung chính phía dưới.

– Nội dung được thông báo ở đây là: “Sắc tứ” Ngân liên Ni cô “lữ hành”, trong đó thông điệp chính được chú bằng ngoặc kép: **“Sắc tứ lữ hành!”**. Sắc tứ có nghĩa là ban quyết định, do nhà vua là bậc bề trên ban cho thần dân nhỏ nhoi bên dưới, dùng trong nhà đạo thì hiểu là do bậc Pháp vương ban cho các đệ tử. Tổ sư đem đạo lực phước đức nhân duyên của mình ban cho Ngân Liên Ni cô quyết định đi riêng, để sau này mở ra một đoàn Khất sĩ, và có những đệ tử qua các Tăng đoàn khác thành lập Ni giới. Đây không phải là huyền ký.

Như vậy, Tổ sư Minh Đăng Quang vào năm 1950 đã quyết định cho sư cô Ngân Liên lữ hành, mà ngay từ đầu đã chỉ đạo cô tách chúng đi riêng, rồi mỗi lần gặp lại cấp cho cô một giấy chứng minh. Thường thì các Ni cô đi du phương hành đạo phải có ít nhất hai người, nhưng **sư cô Ngân Liên đi có một mình**. Do vậy Tổ sư Minh Đăng Quang đã phải hỗ trợ, dùng tâm linh gia trì cho cô, đem oai lực của một bậc Pháp vương ban cho cô những giấy thông hành đặc biệt. Đây không phải là ngoại lệ, vì trường hợp sư cô Thiện Liên cũng được Tổ sư dạy đi độc giác sau khi thọ đại giới. Từ năm 1948, đức Tổ sư đã tạo điều kiện cho sư Từ Huệ tách chúng đi riêng, để rồi về sau có thêm một đoàn khất sĩ tại miền Mỹ Tho – Bến Tre. Hoặc ngài cũng đã hướng dẫn, gợi ý, khuyến khích vài đệ tử khác đi riêng... Chính những việc làm này của Tổ sư đã đưa đến một xu thế mở cho giáo hội của ngài phát triển mạnh, chỉ trong khoảng 15 năm, từ năm 1947 đến năm 1962 đã tạo ra một nền Đạo Phật Khất Sĩ Việt Nam to lớn.

Bốn năm tiếp theo, 1950, 1951, 1952 và 1953 là bốn năm tạo nên một phái Phật giáo Khất Sĩ hoàn toàn mới trong lịch sử Phật giáo thế giới. **Đóng góp trong quá trình đó, sư cô Ngân Liên chủ yếu lo chuyên tu, thanh bản, khổ hạnh, và tùy duyên đào tạo đệ tử**. Thế rồi từ phước đức và nhân duyên của sư cô đã sanh lộc, nảy cành, đơm hoa, kết trái.

Vào năm 1953, khi về Dĩ An tịnh tu, được Phật tử ủng hộ cất lên ngôi Tịnh xá Ngọc An, sư cô Ngân Liên đã có mấy đệ tử như Chánh Liên, Thủy Liên, Mỹ Liên...

Năm 1954, một sự kiện trọng đại đã xảy ra: đức Sư trưởng Minh Đăng Quang của Giáo hội Tăng-già Khất Sĩ đã bị bắt và mất tích.¹¹ Thầy đã ra đi,

¹¹ Lúc này người ta bắt Sư trưởng Minh Đăng Quang của Giáo hội Tăng-già Khất Sĩ, chứ không bắt Tổ sư, đức Thầy, hay Lý Hườn nào cả. Đây là bắt ngay đầu não của một giáo hội.

không biết khi nào trở lại, đối với huynh đệ và với tổ chức lòng sư cô Ngân Liên cũng không tha thiết lắm. Trên hết là còn Đạo và còn Giáo pháp của thầy, đây là lẽ sống, lẽ tiến tới của Ngân Liên, nên sư cô tìm về những miền cô liêu, thanh vắng để tịnh tu. Sau này sư cô đã tâm sự với đệ tử về cảm tưởng của mình vào giai đoạn đó: “Tôi như cây khô đứng giữa đồng nội, thuyền con ra chón đại dương, sóng gió vẫn cầm chèo vững lái, giới luật không vui!”.



Sư cô Ngân Liên lưu ảnh kỷ niệm tại Hòa Đồng năm 1960.

Mười năm qua nhanh, lúc này Ni sư Ngân Liên đã có mấy tịnh xá và khá đông đệ tử xuất gia, có thể xem là một đoàn khát sĩ. Mọi Tăng sự trong đoàn của mình như Tự tứ, chứng minh tịnh xá, an vị Phật... Ni sư đều về y chỉ bên Tăng, giáo đoàn của Pháp sư Giác Nhiên, vị trưởng giáo đoàn cởi mở nhất. Năm 1965, Pháp sư Giác Nhiên cất lên được ngôi Tịnh xá Trung Tâm ở Gò Vấp để làm hội sở trung ương của Giáo hội Tăng-già Khất sĩ Việt Nam (*đang xin thành lập*), cả hai Ni sư Ngân Liên và Trí Liên liền dẫn đoàn của mình về xin gia nhập ngay dịp Tự tứ năm đó, trở thành Ni giới của giáo hội này nói chung và của giáo đoàn Pháp sư Giác Nhiên nói riêng. Lịch sử Phật giáo rồi sẽ đánh giá cao việc làm này của hai Ni sư.



Một tấm hình Ni giới đoàn Pháp sư Giác Nhiên và Phật tử lưu ảnh kỷ niệm tại Tỉnh xá Trung Tâm, quận Gò Vấp, tỉnh Gia Định, năm 196-.

Hàng đầu, ngồi ngay giữa cửa là Ni trưởng Ngân Liên, vắng Ni trưởng Trí Liên.

Tất cả chư Ni đều nhìn xuống, tất cả Phật tử đều nhìn tới.

Sau khi gia nhập, hai năm sau Ni sư Ngân Liên lại xin phép giáo đoàn cho được về miền Hà Tiên tịnh tu. Cùng đi với Ni sư có đệ tử Thanh Liên. Hai thầy trò đã leo lên non Tiểu Tô Châu, nơi sườn dốc cao chón chở nhìn xuống toàn cảnh đầm Đông Hồ, mà cát thảo am vui cảnh an nhàn, đặt tên là Ngọc Tiên tịnh xá. Ni chúng đệ tử của Ni sư nương theo giáo đoàn mà hành đạo, còn Ni sư lâu lâu hữu sự mới hạ sơn về thành thị, như những lần về truyền giới cho chư Ni...

Ni sư Ngân Liên tánh tình rất cương trực, có lẽ nam giới cũng ít ai bằng. Tánh cương trực của Ngân Liên từ xưa đã được bạn đồng tu khâm phục:

Ngân thanh diu dặt trời dây đờn
Liên thuyết pháp lành độ chúng nhơn
Cương nghị chẳng ưa quanh nẻo tắt
Trực bon thẳng chỉ một đường chơn!

Ngân Liên cương trực là tánh đức đặc biệt mà các bạn đồng tu đã nhận ra ở Ni sư, viết tặng cho một bài khoán thủ ngay đạo ban sơ. Còn đối với các đệ tử sau này, điều nổi bật họ nhận thấy ở Ni trưởng Ngân Liên là sự nghiêm nghị, ít nói, ít cười, rất kỹ lưỡng về oai nghi, hạnh kiểm.

Có lần Tổ sư bảo với các thiện tín: “Cô Ngân sau này là người giữ đạo của tôi.”. Trong *Chơn Lý*, Tổ sư đã nhiều lần nhấn mạnh về ưu thế của đức so với tài, và thật tế là ngài đã chấm người chuyên tu cao hơn người năng nổ hoạt động. Như vậy, ngài Minh Đăng Quang, người thì thọ ký sẽ giữ đạo của tôi, kẻ thì bảo sẽ phá đạo của tôi. Nhưng Trung đạo Chánh đẳng Chánh giác của vũ trụ tự nhiên không cần ai giữ, cũng chẳng ai phá được. Giữ hay phá là nói về cái “đạo của tôi”, tức là cửa phương tiện mà các bậc Đạo sư đã quyền khai cho chư thiên và nhân loại. “Đạo của tôi”, cửa phương tiện mà đức Minh Đăng Quang đã mở ra là Cửa Khất Sĩ trên Đường Như Lai, là Khất Sĩ Môn của Như Lai Đạo.

(Mà không rõ Tổ sư có nói ai sẽ đắc đạo của tôi không? Như với sư Giác Chánh ngài có bảo với chư Tăng là sau này ông tu được.)

Đúng với lời thọ ký của Tổ sư, Ni trưởng Ngân Liên cương quyết giữ đạo của thầy. Các đệ tử còn nhớ mãi lời nguyện khăng khải của Ni trưởng:

– Tay rớt bạc tiền tay gãy, xương lở.
Không bịnh ăn chiều miệng lở sanh đing.

Nhưng chính Ni trưởng có khi cũng thấy mình đã thái quá trong đôi nhân xử thế. Tại Tịnh xá Ngọc Lâm, có lần Ni trưởng bảo với các đệ tử:

– Tịnh xá Ngọc Lâm do Pháp sư Giác Nhiên đứng ra xây cất¹². Khi cất xong tôi cũng không khánh thành, Pháp sư phải vận động Phật tử Biên Hòa ra làm lễ khánh thành luôn. Trong thời gian xây dựng cũng không có lo cho quý sư được ly nước uống, tôi thấy tôi lãng vô cùng!

Ni trưởng Ngân Liên là người nổi tiếng nghiêm trì giới. Nói về Giới cần phải biết Giới có bốn khoa: giới thể, giới pháp, giới hạnh và giới tướng¹³. Trong đó giới tướng là điều văn quy định cụ thể, giới hạnh là phẩm cách của người trì giới, giới pháp là đạo lý về giới luật, và giới thể là tâm chơn, là suối nguồn tâm linh của giới. Người trì giới đầu tiên do giác ngộ hoặc nhờ Tổ Thầy, nhờ Tăng-già thanh tịnh mà được giới thể, sau mới y theo các giới cấm đã được ban hành mà giữ gìn, sao cho hình thành được tư cách tốt. Nhưng nếu người ấy chưa thông giới pháp, dễ khởi lên ngã mạn coi thường người khác, bị rơi vào giới cấm thủ, chưa vào được dòng Thánh. Vậy đạo lý của Giới là gì? Người xưa bảo: Giới là Phật thân, Định là Phật tâm, Huệ là Phật trí; giữ giới chính là tập làm Phật. Từ điều kiện tập làm Phật các Phật tử phải tiến triển tới mức Phật thật thì mới thành công.¹⁴ Một vị Phật lúc nào cũng có hạnh kiễm tốt đẹp tự nhiên, ba nghiệp hằng thanh tịnh, đâu cần phải tập, phải giữ chi. Mà ở đời cũng tương tự: người ta ai cũng phải học trò, tập sự rồi mới nên thầy nên thợ. Đây là đường lối Hạnh nhập, một đường lối phổ biến.

Đối với các đệ tử xuất gia, Ni trưởng Ngân Liên thường dạy: “Ni chúng phải căn bản giới luật, lấy sự chơn thật làm bằng, bát kính trọng Tăng, thường hằng oai nghi tế hạnh. Quên mình vì Đạo, Pháp bảo rộng ban. An bản thủ Đạo, một dạ trung kiên giềng mối Tổ Thầy. Ra đường chơn thật, giày dép chớ mang. Tiền bạc chẳng nắm chẳng giữ. Chiều không ăn cơm cháo nếu không bịnh. Việc làm nếu chẳng còn tu bổ sửa sang thì chớ nên nhận tích trữ. Để tâm không, chớ dính mắc vật chất, của tiền. Giờ giờ phút phút phải quán chiếu nội tâm, chớ thấy lỗi người, chớ phê bình chỉ trích chê bai kẻ khác. Sống đạm bạc cháo rau đỡ dạ qua ngày tháng để trau tâm dồi trí. Đừng xin xỏ cư gia, đừng đến nhà cư sĩ nếu không mời thỉnh, đừng buông lung phá giới mất hạnh...”

¹² Nhưng ban đầu do Ni trưởng Ngân Liên và các đệ tử khai khẩn.

¹³ Thập Giới có bốn mặt.

¹⁴ Chính Tổ sư Minh Đăng Quang đã cảnh giác các hàng khát sĩ: “Khất sĩ dầu có giữ giới đi nữa mà không định huệ thì cũng chưa được trọn là khát sĩ.”

Những lời dạy này rất chân chánh, nhất là người dạy cũng nghiêm trì những điều đó. Giới hạnh của nhà sư là tấm gương cho thế nhân trông vào, từ đó có niềm tin về những lời nhà sư dạy. Nếu một người tu hành mà có tư cách không hơn gì kẻ thế thì nói cách nào cho người ta nghe? Nên ai muốn dạy người khác thì trước phải dạy được chính mình, không còn cách nào hơn.

Ni trưởng thường nhắc đến sự khổ hạnh của Tổ sư để Ni chúng noi gương, và nhắc đến những điều Tổ sư đã truyền dạy, gồm có **bốn trình độ pháp**: 1. Trí tuệ, 2. Nghị lực, 3. Quyết định kiên cố, 4. Làm những điều lợi ích; cùng **sáu khuynh hướng pháp**: 1. Không tham, 2. Không sân, 3. Không si, 4. Xuất gia, 5. An tĩnh, 6. Giải thoát xả ly. Đặc biệt, Ni trưởng đã lưu ý các đệ tử:

– Biển rộng nhưng mà không rộng, lòng người vị tha quân tử rộng!
Lỗ kim hẹp nhưng mà không hẹp, lòng người tiểu nhân ích kỷ hẹp!

Ni sư Thanh Liên, người kế thế trụ trì Ngọc Tiên tịnh xá sau khi Ni trưởng Ngân Liên viên tịch, đã rất tâm đắc điều này.



Ni trưởng Ngân Liên, 1915 – 1990.

(Ni trưởng sanh ngày 25 tháng chạp năm Giáp Dần 1914, lịch Tây là ngày 8/2/1915.)

Một đời giáo hóa nhân sanh đền ơn Thầy Tổ, Ni trưởng Ngân Liên đã độ được nhiều đệ tử xuất gia và Phật tử tại gia. Đầu tiên, Ni trưởng độ cho hai cô Chánh Liên, Thủy Liên, năm 1953 độ bà Mỹ Liên, năm 1956 độ Trang Liên, rồi những năm sau là Hoa Liên, Huệ Liên, Trung Liên, Hạnh Liên, Kiều Liên, Thiền Liên, Hương Liên, Thanh Liên, Hòa Liên, Thu Liên, Nghĩa Liên, Thọ Liên, Chiếu Liên, Đền Liên, Hiệp Liên, Mai Liên, Thông Liên, Thắng Liên, Ánh Liên... tất cả khoảng năm, sáu chục vị.

Mấy năm sau khi Ni trưởng Ngân Liên dẫn đoàn gia nhập về giáo đoàn Pháp sư Giác Nhiên, có sáu sư cô đã xin đi, qua y chỉ theo đức Thầy Giác An, lập ra Ni giới Giáo đoàn III. Đó là các sư cô Chiêu Liên, Hiệp Liên, Đền Liên, Thông Liên (*trùng tên*), Duyên Liên, Nguyệt Liên. Năm sau lại có thêm bốn cô Thiền Liên, Hương Liên, Tường Liên, Lập Liên cũng theo qua. Cũng có hai sư cô lớn sau này qua Giáo đoàn I là hai vị Trung Liên và Hạnh Liên...



Tịnh xá Ngọc Lâm – Long Hải

Qua 42 năm hành đạo, 1948 – 1990, Ni trưởng Ngân Liên đã thành lập năm ngôi tịnh xá, gồm có Ngọc An – Dĩ An lập năm 1953 (*sau khi có Ngọc Bình gần đó Ni trưởng đã cúng Ngọc An cho bên Tăng*), Ngọc Lâm – Long Hải lập năm 1956, Ngọc Bình – Dĩ An lập năm 1958, Ngọc Hải – Nha Trang lập năm 1963, Ngọc Tiên – Hà Tiên lập năm 1967. Ni trưởng đã chứng minh cho đệ tử thành lập hai ngôi tịnh xá: Ngọc Ban ở Buôn Ma Thuột và Ngọc Điền ở Long Điền. Ni trưởng được hòa thượng Pháp sư Giác Nhiên tặng thêm hai ngôi tịnh xá Ngọc Hiệp ở Biên Hòa và Ngọc Điểm ở Bà Điểm. Đến nay, trong đoàn của Ni trưởng đã tăng thêm các ngôi tịnh xá: Ngọc Phước – Bà Rịa, Ngọc Thanh – Nhà Bè, Ngọc Tân – Trảng Bom, Ngọc Như – Long Thành, Ngọc Duyên – Bà Rịa, Ngọc Văn – Củ Chi, Liên Hoa – Biên Hòa, Ngọc Mỹ – Châu Đốc, Ngọc Nguyên – Đức Trọng, Ngọc Thái – Phước Thái, Ngọc Hòa – Hòa Long, và các tịnh thất Hương Thiền, Quán Âm, Ngọc Hạnh, Ngọc Tánh... với số Ni chúng khoảng 170 vị.



Tịnh xá Ngọc Bình – Dĩ An

Ni trưởng Ngân Liên viên tịch chiều ngày 18 tháng 5 năm Canh Ngọ 1990 tại Tịnh xá Ngọc Tiên trên non Tiểu Tô Châu, xứ Hà Tiên. Nhục thân Ni trưởng được môn đồ pháp quyến đem nhập tháp tại tịnh xá. Cuộc đời Ni trưởng Ngân Liên có thể nói là sự thị hiện của một bậc khát sĩ chân chính, mà trong *Chơn Lý* đã mô tả bậc ấy: “Như người đã bay bổng trên không trung, bước chân không còn dính bụi hồng, là người ở trong giới Phật, không hề sa ngã.”. Những ai còn say đắm trong các cảnh thiện nghiệp của hai nẻo người và trời, nhân danh nhà Phật mãi tạo tác chùa tháp kang trang, tín đồ đông đảo, suốt ngày bận rộn, nói làm không dứt... chắc sẽ có lúc nghiêng mình trước một người như Ni trưởng Ngân Liên.



Tháp tường niệm Ni trưởng Ngân Liên trên non Tiểu Tô Châu, xứ Hà Tiên.

Lúc đầu tôi dự định viết về hai đoàn Ni giới Khất sĩ này chung trong một bài, nhưng riêng phần đoàn Ni trưởng Ngân Liên đã quá dài, nên phần viết về

đoàn Ni trưởng Trí Liên phải qua bài khác. Hai năm là quãng thời gian cho bài này được công bố, và đến giai đoạn cuối, phần bổ xung về Ngọc Lâm Tự ở Phú Lâm – Chợ Lớn lại được cập nhật thêm những thông tin giá trị do bác Chín Quý cung cấp. Xin trân trọng cảm niệm công đức của bác Chín Quý, chú Minh Nhẫn và tất cả bà con mộ đạo ở Đình Phú Lâm, các vị đã được đi vào lịch sử cùng bài viết này rồi đó vậy.



Tịch xá Ngọc Diên – Long Diên
